

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về nguyên tắc và thứ tự thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch các dự án điện;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

- Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tại các Văn bản:

+ Số 1297/UBND-KTN ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nậm Be 2 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

+ Số 2135/UBND-KTN ngày 28 tháng 12 năm 2018 và 2051/UBND-KTN ngày 23 tháng 9 năm 2020 về việc bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nậm Bon 1 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

+ Số 2303/UBND-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nậm Nhọ 1 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

+ Số 2957/UBND-KTN ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Là Si 1A trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

+ Số 3062/UBND-KTN ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Thọ Gụ và Thọ Gụ 1 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Trên cơ sở Văn bản số 10121/CV-NLXLC ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Năng lượng xanh Lai Châu (Nhà đầu tư của DATĐ Nậm Be 2) về việc giải trình hồ sơ quy hoạch DATĐ Nậm Be 2, tỉnh Lai Châu;

- Trên cơ sở Báo cáo bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Nậm Be 2, Nậm Bon 1, Nậm Nhọ 1, Là Si 1A, Thọ Gụ 1 và Thọ Gụ do Đơn vị tư vấn chuyên ngành lập năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các Dự án thủy điện Nậm Be 2, Nậm Bon 1, Nậm Nhọ 1, Là Si 1A, Thọ Gụ 1 và Thọ Gụ vào Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Vị trí xây dựng công trình, nhiệm vụ, sơ đồ khai thác và các thông số chính của các Dự án thủy điện nêu trên được ghi tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Việc đầu tư xây dựng các Dự án thủy điện tại Điều 1 của Quyết định này phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch: Phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, sử dụng tài nguyên, phát triển điện lực. Đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định có liên quan khác.

Điều 3. Trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình các Dự án thủy điện nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu chỉ đạo Chủ đầu tư, đơn vị Tư vấn và các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thiện điều tra, khảo sát bổ sung, đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên khu vực dự án (địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, dân sinh, kinh tế - xã hội...);

- Tiếp tục nghiên cứu chuẩn xác quy mô mực nước dâng bình thường (MNDBT), mực nước chết (MNC), công suất lắp máy (N_{lm}), điện lượng trung bình năm (E_0) và phương án thiết kế các hạng mục công trình có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo công trình vận hành an toàn ổn định và giảm thiểu tác động đối với môi trường - xã hội;

- Đánh giá kỹ và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đối với môi trường - xã hội. Trong đó, phải lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các phương án về: Trồng rừng thay thế, đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đập và xả đủ cho cấp nước thủy lợi, sinh hoạt theo quy định;

- Rà soát, đánh giá kỹ quy hoạch đất rừng các loại và hiện trạng đất rừng của tỉnh, trên cơ sở đó xác định chính xác diện tích chiếm đất các loại của các dự án thủy điện nêu trên để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

- Trước khi quyết định chủ trương đầu tư, đề nghị rà soát kỹ diện tích chiếm đất trồng lúa của các Dự án để trình cấp có thẩm quyền xem xét cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định;

- Trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các nhà máy thủy điện phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề phía thượng và hạ lưu, không ảnh hưởng đến các công trình công cộng, di tích lịch sử, văn hóa và các quy hoạch khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

- Tiến độ thực hiện các Dự án phải phù hợp với tiến độ xây dựng lưới điện truyền tải trong khu vực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Lai Châu, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ đầu tư các dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT, ĐL.



Đặng Hoàng An

Phụ lục

**THÔNG SỐ CHÍNH CỦA CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐƯỢC BỔ SUNG VÀO
QUY HOẠCH THỦY ĐIỆN NHỎ TOÀN QUỐC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

(Ban hành theo Quyết định số: 8 0 2 /QĐ-BCT ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
1. Thủy điện Nậm Nhỏ 1	+ Đập phụ 1: 22°18'37" VĐB - 102°57'31" KĐĐ; + Đập phụ 2: 22°18'45" VĐB - 102°57'30" KĐĐ; + Đập phụ 3: 22°20'8,86" VĐB - 102°57'52,21" KĐĐ; + Đập chính: 22°20'33" VĐB - 102°55'58" KĐĐ; + Nhà máy: 22°20'12" VĐB - 102°53'45" KĐĐ.	Các suối Nậm Sẻ, Nậm Suông, Nậm Pòng (nhánh cấp I của suối Nậm Nhỏ - nhánh cấp II suối Nậm Bum - hệ thống sông Đà)	Xã Vàng San, huyện Mường Tè	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Tuyến đập phụ 1 (kiểu chiron) là đập dâng nước kết hợp tràn trên suối Nậm Sẻ; tuyến đập phụ 2 (kiểu chiron) là đập dâng nước kết hợp đập tràn trên suối Nậm Nhỏ; tuyến đập phụ 3 (kiểu chiron) là đập dâng nước kết hợp đập tràn trên suối Nậm Suông; tuyến đập chính là đập dâng kết hợp đập tràn nằm trên suối Nậm Pòng; các đập phụ 1, 2 và 3 (kiểu chiron) gom nước về hồ đập chính bằng đường hầm có áp; tuyến năng lượng dạng đường dẫn nằm bên bờ phải suối Nậm Pòng; nhà máy thủy điện kiểu hở nằm bên bờ phải suối Nậm Nhỏ và xả nước trở lại suối Nậm Chà	$F_{lvp1} = 9,43 \text{ km}^2$ $F_{lvp2} = 17,1 \text{ km}^2$ $F_{lvp3} = 9,06 \text{ km}^2$ $F_{lvc} = 10,9 \text{ km}^2$ $MNDBT_{p1} = 656 \text{ m}$ $MNDBT_{p2} = 636 \text{ m}$ $MNDBT_{p3} = 774 \text{ m}$ $MNDBT_c = 622 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 400 \text{ m}$ $N_{lm} = 13,6 \text{ MW}$ $E_o = 46,95 \text{ triệu kWh.}$
2. Thủy điện Là Si 1A	+ Đập phụ: 22°42'24,3" VĐB - 102°30'53,97" KĐĐ; + Đập chính: 22°41'39,08" VĐB - 102°31'1,21" KĐĐ; + Nhà máy: 22°40'43,1" VĐB - 102°29'52,25" KĐĐ.	Suối Si Lu (nhánh cấp I của suối Là Si - nhánh cấp II sông Nậm Là - hệ thống sông Đà)	Xã Thu Lũm và Tá Bạ, huyện Mường Tè	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Tuyến đập phụ là đập dâng kết hợp đập tràn nằm trên suối Là Si gom nước về đập chính bằng đường hầm có áp; tuyến đập chính là đập dâng kết hợp đập tràn trên suối Si Lu; tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ trái suối Si Lu và nhà máy thủy điện kiểu hở nằm bên bờ trái suối Là Si, xả nước trở lại suối Là Si.	$F_{lvp} = 21,65 \text{ km}^2$ $F_{lvc} = 25,92 \text{ km}^2$ $MNDBT_p = 957 \text{ m}$ $MNDBT_c = 955 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 785 \text{ m}$ $N_{lm} = 12 \text{ MW}$ $E_o = 39,942 \text{ triệu kWh.}$

19

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
3. Thủy điện Thọ Gụ I	+ Đập phụ 1: 22°40'07" VĐB - 102°35'45" KĐĐ; + Đập phụ 2: 22°40'27" VĐB - 102°35'50" KĐĐ; + Đập phụ 3: 22°41'32" VĐB - 102°36'22" KĐĐ; + Đập chính: 22°40'34" VĐB - 102°35'60" KĐĐ; + Nhà máy: 22°40'03" VĐB - 102°36'24" KĐĐ.	Các suối Bò Pó, Pạ Pù, Lô Sa, Pu Te (nhánh cấp I của suối Thọ Gụ - nhánh cấp II suối Nậm Cùm - hệ thống sông Đà)	Xã Pa Ủ và Tá Bạ, huyện Mường Tè	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Tuyến đập phụ 1 (kiểu chiron) là đập dâng nước kết hợp đập tràn trên suối Pạ Pù; tuyến đập phụ 2 (kiểu chiron) là đập dâng nước kết hợp đập tràn trên suối Lô Sa; tuyến đập phụ 3 (kiểu chiron) là đập dâng nước kết hợp đập tràn trên suối Thọ Gụ; tuyến đập chính là đập dâng kết hợp đập tràn nằm trên suối Bò Tó; các đập phụ 1, 2 và 3 (kiểu chiron) gom nước về hồ đập chính bằng đường hầm có áp; tuyến năng lượng dạng đường dẫn nằm bên bờ trái suối Bò Tó và nhà máy thủy điện kiểu hở nằm bên bờ trái suối Pu Te, xả nước ra suối Pu Te.	$F_{lvp1} = 3,8 \text{ km}^2$ $F_{lvp2} = 5,2 \text{ km}^2$ $F_{lvp3} = 18,6 \text{ km}^2$ $F_{lvc} = 1,5 \text{ km}^2$ $MNDBT_{p1} = 1.305 \text{ m}$ $MNDBT_{p2} = 1.302 \text{ m}$ $MNDBT_{p3} = 1.302 \text{ m}$ $MNDBT_c = 1.300 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 1.120 \text{ m}$ $N_{lm} = 10,2 \text{ MW}$ $E_o = 32,1 \text{ triệu kWh.}$
4. Thủy điện Thọ Gụ	+ Đập phụ 1: 22°40'34" VĐB - 102°37'45" KĐĐ; + Đập phụ 2: 22°40'33" VĐB - 102°36'50" KĐĐ; + Đập chính: 22°40'02" VĐB - 102°36'32" KĐĐ; + Nhà máy: 22°37'20" VĐB - 102°38'22" KĐĐ.	Suối Pu Te (nhánh cấp I của suối Thọ Gụ - nhánh cấp II suối Nậm Cùm - hệ thống sông Đà)	Xã Pa Ủ và Tá Bạ, huyện Mường Tè	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Tuyến đập phụ 1 (kiểu chiron) là đập dâng nước kết hợp đập tràn trên suối nhánh bờ trái của suối Thọ Gụ gom nước về đập phụ 2 bằng đường hầm có áp; tuyến đập phụ 2 (kiểu chiron) là đập dâng nước kết hợp đập tràn trên suối Thọ Gụ gom nước về đập chính bằng đường hầm có áp; tuyến đập chính là đập dâng kết hợp đập tràn nằm trên suối Pu Te; tuyến năng lượng dạng đường dẫn nằm bên bờ phải suối Pu Te và nhà máy thủy điện kiểu hở nằm bên bờ phải suối Thọ Gụ, xả nước trở lại suối Thọ Gụ.	$F_{lvp1} = 8,1 \text{ km}^2$ $F_{lvp2} = 23,5 \text{ km}^2$ $F_{lvc} = 20,3 \text{ km}^2$ $MNDBT_{p1} = 1.127 \text{ m}$ $MNDBT_{p2} = 1.125 \text{ m}$ $MNDBT_c = 1.120 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 747 \text{ m}$ $N_{lm} = 30 \text{ MW}$ $E_o = 100,4 \text{ triệu kWh.}$

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình		Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông			
5. Thủy điện Nậm Be 2	+ Tuyến đập: 22°13'32,5" VDB - 103°45'29,1" KĐĐ + Nhà máy: 22°13'21,5" VDB - 103°43'38,8" KĐĐ.	Suối Nậm Be (nhánh cấp I của sông Nậm Mu - hệ thống sông Đà)	Xã Phúc Khoa và thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Đập dâng kết hợp đập tràn nằm trên suối Nậm Be; tuyến năng lượng kiểu đường dẫn nằm bên bờ phải suối Nậm Be và nhà máy thủy điện kiểu hồ xả nước trở lại suối Nậm Be.	$F_{lv} = 45,99 \text{ km}^2$ $MNDBT = 737 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 572,85 \text{ m}$ $N_{\lim} = 10 \text{ MW}$ $E_o = 30,07 \text{ triệu kWh}$
6. Thủy điện Nậm Bon 1	+ Tuyến đập: 22°15'27,8" VDB - 103°45'51,8" KĐĐ; + Nhà máy: 22°15'05" VDB - 103°44'28,16" KĐĐ.	Suối Nậm Bon (nhánh cấp I của sông Nậm Mu - hệ thống sông Đà)	Xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên	Đập dâng kết hợp đập tràn nằm trên suối Nậm Bon; tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ phải suối Nậm Bon và nhà máy thủy điện kiểu hồ xả nước trở lại suối Nậm Bon.	$F_{lv} = 21,6 \text{ km}^2$ $MNDBT = 1.190 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 790,06 \text{ m}$ $N_{\lim} = 10 \text{ MW}$ $E_o = 37,34 \text{ triệu kWh}$

Ghi chú: VDB: Vĩ độ Bắc; KĐĐ: Kinh độ Đông; F_{lv} : Diện tích lưu vực tính đến tuyến đập; MNDBT: Mục nước dâng bình thường; $MNHL_{\min}$: Mục nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất; N_{\lim} : Công suất lắp máy; E_o : Điện lượng bình quân năm.